

ĐÓNG GÓP CỦA VUA LÊ THÁNH TÔNG ĐỐI VỚI BỘ LUẬT HỒNG ĐỨC - VIỆC KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN CỦA BỘ LUẬT TRONG SỰ NGHIỆP BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ HIỆN NAY

*THE CONTRIBUTIONS OF KING LE THANH TONG TO THE HONG DUC CODE -
THE INHERITANCE AND DEVELOPMENT OF THE CODE IN PROTECTION
OF SECURITY AND ORDER TODAY*

PHAN THANH LONG^(*)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 24-11-2022 Ngày biên tập xong: 22-12-2022 Ngày duyệt đăng: 05-01-2023 Mã số: TCKH37-08-2023 ISSN: 2525 – 2429 Từ khóa: Lê Thánh Tông; Bộ luật Hồng Đức; bảo vệ an ninh, trật tự hiện nay. Key words: Le Thanh Tong; Hong Duc Code; protection of security and order today.	<i>Luật Hồng Đức là tên gọi thông dụng của Bộ Quốc triều hình luật thời Lê sơ hiện còn được lưu giữ đầy đủ. Lịch sử văn bản của bộ luật này là một trong những thư tịch cổ nhất hiện còn được lưu trữ tại Viện nghiên cứu Hán - Nôm (Hà Nội). Nội dung của bộ luật này có thể coi là bộ luật tổng hợp bao gồm nhiều quy phạm pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau như: lĩnh vực luật hình sự, luật dân sự, luật tố tụng, luật hôn nhân gia đình, luật hành chính,... Bộ luật Hồng Đức là một thành tựu hết sức quan trọng trong lịch sử lập pháp Việt Nam so với các triều đại trước đó cũng như nhiều nước trên thế giới. Bài viết này bước đầu tìm hiểu những giá trị tích cực của Bộ luật Hồng Đức đối với công tác xây dựng Nhà nước pháp luật Việt Nam nói chung và sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự nói riêng.</i> ABSTRACT: Hong Duc Code is the common name of the Criminal Law of National Court in the reign of early Le which is still fully preserved. The textual history of this code is one of the oldest bibliographies still preserved at the Institute of Han-Nom Studies (Hanoi). The content of this code can be considered as a general law including many legal regulations in many different legal fields such as: criminal law, civil law, procedural law, marriage and family law, administrative law, etc. Hong Duc Code is a very important achievement in Vietnam's legislative history compared to previous dynasties as well as many countries in the world. This article initially explores the positive values of the Hong Duc Code for the construction of the Vietnamese legal state in general and the cause of protection of security and order in particular.

(*) Đại tá. TS. Phó cục trưởng V04-BCA, longphanpct@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Viện Sử học Việt Nam, Quốc Triều hình luật được khởi thảo từ thời Lê Thái Tổ, sau đó tiếp tục được bổ sung dưới các triều Lê Thánh Tông và Lê Nhân Tông. Tới thời Lê Thánh Tông thì bộ luật được hoàn chỉnh [2, tr.4]. Các ý kiến này chủ yếu dựa vào Đại Việt Sử Ký Toàn Thư với ghi chép là năm Thái Hòa thứ 7 (1449), vua Lê Nhân Tông đã bổ sung thêm vào bộ hình luật chương điền sản gồm 14 điều. Ngoài ra, qua các sử sách khác và qua các lần in khắc ván (với những điểm khác nhau về nội dung của các văn bản), các bổ sung và tên gọi các đơn vị hành chính ghi trong bộ luật. Có thể nhận thấy bộ luật này được soạn thảo, bổ sung, hiệu đính qua nhiều đời vua triều Lê. Từ đầu thế kỷ XX, Quốc triều hình luật đã được khảo dịch sang tiếng Pháp. Đến năm 1956, nó mới được dịch sang quốc ngữ lần đầu tiên (bản dịch của Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn do Lương Thần Cao Nãi Quang phiên âm, và dịch nghĩa, Nguyễn Sĩ Giác hiệu đính, Vũ Văn Mẫu viết lời tựa, nhà in Nguyễn Văn Của phát hành, Sài Gòn, 1956). Gần đây, Viện Sử học Việt Nam đã dịch thuật lại cho chuẩn xác hơn [6, tr.15].

Bộ luật Hồng Đức là một thành tựu hết sức quan trọng trong lịch sử lập pháp Việt Nam so với các triều đại trước đó cũng như nhiều nước trên thế giới. Bộ luật này được ban bố lần đầu tiên trong khoảng những năm 1470-1497 dưới thời vua Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức. Tuy nhiên, qua nghiên cứu lịch sử, một số nhà nghiên cứu cho rằng Bộ luật này khác với nhiều văn bản pháp luật được ghi rõ tên tác giả biên soạn, Bộ Quốc triều Hình luật này do được biên soạn trải qua rất nhiều đời vua nhà Lê sơ nên không rõ chính xác ai là người cho ra đời Bộ luật. Những điều luật đầu tiên xuất hiện từ thời vua Lê Thái Tổ (1428-1433), ngoài ra có thêm cả sự góp sức biên soạn của Nguyễn Trãi, Phan Phu Tiên... “*Nhưng sử sách cho rằng nhân vật có sự đóng góp để hoàn chỉnh Bộ luật này là vua Lê Thánh Tông giữa thời Lê sơ*” [5, tr.26].

Vì vậy, nghiên cứu Bộ luật Hồng Đức nhằm làm sáng tỏ một số nội dung chủ yếu của luật Hồng Đức và sự đóng góp của vua Lê Thánh Tông trong quá trình hoàn thiện nội dung của Bộ luật, đồng thời ghi nhận giá trị lý luận và thực tiễn của Bộ luật Hồng Đức đối với sự nghiệp cải cách tư pháp, đảm bảo An ninh, trật tự hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số nội dung của luật Hồng Đức

2.1.1. Các quan hệ dân sự (Luật dân sự)

Bộ luật Hồng Đức hay còn gọi là Quốc triều hình luật, trong cuốn sách A.341 có 13 chương, ghi chép trong 6 quyển (5 quyển có 2 chương/quyển và 1 quyển có 3 chương), gồm 722 điều. Ngoài ra, trước khi đi vào các chương và điều thì Quốc triều hình luật còn có các đồ biểu quy định về các hạng để tang và tang phục, kích thước và các hình cụ (roi, trượng, gông, dây sắt,...) [1, tr.3].

Trong Bộ luật Hồng Đức, các quan hệ dân sự lần đầu tiên được đề cập nhiều nhất, trong đó đáng ghi nhận là các lĩnh vực như: quan hệ sở hữu, quan hệ hợp đồng và thừa kế ruộng đất, quan hệ hôn nhân và gia đình... Luật Hồng Đức đã phản ánh hai chế độ sở hữu ruộng đất trong thời kỳ phong kiến là: Sở hữu Nhà nước (ruộng công) và sở hữu tư nhân (ruộng tư). Do đã có chế độ lộc điền - công điền tương đối toàn diện về vấn đề ruộng đất công nên trong bộ luật này quyền sở hữu Nhà nước về ruộng đất chỉ được thể hiện thành các chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm chế độ sử dụng ruộng đất công như: không được bán ruộng đất công (Điều 342), không được chiếm ruộng đất công quá hạn mức (Điều 343), không được nhận ruộng đất công đã giao cho người khác (Điều 344), cấm làm sai quy định phân cấp ruộng đất công (Điều 347), không để bỏ hoang ruộng đất công (Điều 350), cấm biến ruộng đất công thành tư (Điều 353), không được ản lậu để trốn thuế (Điều 345) [1].

Trong lĩnh vực thừa kế, quan điểm của các nhà làm luật thời Lê khá gần gũi với các quan điểm hiện đại về thừa kế. Cụ thể: Khi cha mẹ còn sống, không phát sinh các quan hệ về thừa kế nhằm bảo vệ và duy trì sự trường tồn của gia đình, dòng họ. Thứ hai, các quan hệ thừa kế theo di chúc (các Điều 354, 388) và thừa kế không di chúc (thừa kế theo luật) với các Điều 374-377, 380, 388. Điều đáng chú ý là Bộ luật Hồng Đức cho người con gái có quyền thừa kế ngang bằng với người con trai là một điểm tiến bộ so với các bộ luật phong kiến khác. Đây chính là điểm nổi bật nhất của luật pháp triều Lê.

Trong quan hệ kết hôn, luật quy định các điều kiện để có thể kết hôn là: có sự đồng ý của cha mẹ (Điều 314), không được kết hôn giữa những người trong họ hàng thân thích (Điều 319), cấm kết hôn khi đang có tang cha, mẹ hay chồng (Điều 317), cấm kết hôn khi ông, bà, cha hay mẹ đang bị giam cầm, tù tội (Điều 318), cấm anh (em) lấy vợ góa của em (anh), trò lấy vợ góa của thầy (Điều 324), với một số quy định khác trong các Điều 316, 323, 334, 338, 339. Tuy nhiên, Luật Hồng Đức không quy định tuổi kết hôn, mặc dù trong Thiên Nam Dư Hạ Tập (phần lệ Hồng Đức hôn giá) có viết: *“Con trai 18 tuổi, con gái 16 tuổi mới có thể thành hôn”* [1]. Luật Hồng Đức cũng quy định về hình thức và thủ tục kết hôn như đính hôn và thành hôn (các Điều 314, 315, 322). Lưu ý là Luật Hồng Đức cho thấy cuộc hôn nhân có giá trị pháp lý từ sau lễ đính hôn. Tuy nhiên, nếu trong thời gian từ lễ đính hôn cho đến khi thành hôn mà một trong hai bên bị ác tật hay phạm tội thì bên kia có quyền từ hôn.

Quan hệ gia đình: Trong lĩnh vực quan hệ gia đình, Bộ luật đã điều chỉnh các quan hệ như quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa các thân thuộc khác (vợ cả - vợ lẽ, anh - chị - em, cha mẹ - con nuôi, vai trò của người tôn trưởng tức trưởng họ).

Quan hệ vợ - chồng: Phong tục tập quán và lễ nghĩa Nho giáo đã điều chỉnh quan hệ vợ

- chồng, tuy nhiên Luật Hồng Đức cũng có các quy định nhằm điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ nhân thân như: Nghĩa vụ phải chung sống tại một nơi và phải có trách nhiệm với nhau (các Điều 321 và 308, 309), không được ngược đãi vợ (Điều 482), nghĩa vụ chung thủy (Điều 401, 405), nghĩa vụ để tang nhau (các Điều 2, 7).

Quan hệ cha mẹ - con cái: Đề cập tới các nghĩa vụ và quyền nhân thân của con cái, bao gồm: nghĩa vụ phải vâng lời và phụng dưỡng cha mẹ, ông bà (khoản 7 Điều 2), nghĩa vụ chịu tội roi, trượng thay cho ông bà, cha mẹ (Điều 38), nghĩa vụ không được kiện cáo ông bà, cha mẹ (Điều 511), nghĩa vụ che giấu tội cho ông bà, cha mẹ (các Điều 9, 504), ngoại trừ trường hợp cha mẹ hay ông bà phạm các tội mưu phản, đại nghịch, cha mẹ nuôi giết con đẻ hay mẹ đẻ, mẹ kế giết cha thì được phép tố cáo và nghĩa vụ để tang ông bà, cha mẹ (Điều 2).

Quan hệ nhân thân khác: Đề cập tới quan hệ giữa vợ cả - vợ lẽ (các Điều 309, 481, 483, 484) và nhà chồng, anh - chị - em (các Điều 487, 512), nuôi con nuôi (các Điều 380, 381, 506) và vai trò của người trưởng họ (Điều 35) [1]. Trong quan hệ vợ cả - vợ lẽ thì ngoài các quy định về các nghĩa vụ của họ với chồng và nhà chồng thì họ cũng phải tuân thủ trật tự thế thiếp và vợ cả nói chung được ưu tiên hơn [1].

Về quan hệ anh - chị - em thì người anh trưởng có quyền và nghĩa vụ đối với các em, nhất là khi cha mẹ đã chết, đồng thời cũng bảo vệ sự hòa thuận trong gia đình (phạt nặng đánh lộn, kiện cáo nhau). Việc nhận nuôi con nuôi phải được lập thành văn bản và phải đối xử như con đẻ cũng như ngược lại, con nuôi phải có nghĩa vụ như con đẻ đối với cha mẹ nuôi.

2.1.2. Hình luật là nội dung trọng yếu và có tính chất chủ đạo, bao trùm toàn bộ nội dung của Bộ luật Hồng Đức

Các nguyên tắc hình sự chủ yếu của nó là: Vô luật bất thành hình (Điều 642, 683, 685, 708, 722): trong đó quy định chỉ khép tội khi trong bộ luật có quy định, không thêm bớt tội

danh, áp dụng đúng hình phạt đã quy định và tương tự như trong các bộ luật hình sự hiện đại; Chiều cổ, trong đó quy định các chiều cổ đối với địa vị xã hội, tuổi tác (trẻ em và người già cả ngoài 70 tuổi), tàn tật, phụ nữ, phụ nữ có thai, sản,... (Điều 1, 3, 5, 8, 10, 16, 17, 680); Chuộc tội bằng tiền, đối với các tội danh như trượng, biếm, đồ, khao đình, tang thất phụ, lưu, tử, thích chữ. Tuy nhiên, các tội thập ác (mười tội cực kỳ nguy hiểm cho chính quyền, ngày nay gọi là các nhóm tội đặc biệt nghiêm trọng) và tội đánh roi (có tính chất răn đe, giáo dục) không cho chuộc (Điều 6, 16, 21, 22, 24) [1].

Trách nhiệm hình sự (Điều 16, 35, 38, 411, 412) [1]: Trong đó đề cập tới quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự và việc chịu trách nhiệm hình sự thay cho người khác.

Miễn, giảm trách nhiệm hình sự (Điều 18, 19, 450, 499, 553) [1]: Trong đó quy định về miễn, giảm trách nhiệm hình sự trong các trường hợp như tự vệ chính đáng, tình trạng khẩn cấp, tình trạng bất khả kháng, thi hành mệnh lệnh, tự thú (trừ thập ác, giết người). Thương người tố giác, trừng phạt người che giấu (Điều 25, 39, 411, 504) [1].

Tội phạm: Phân loại theo hình phạt (ngũ hình và các hình phạt khác). Theo sự vô ý hay cố ý phạm tội; Theo âm mưu phạm tội và hành vi phạm tội; Tính chất đồng phạm. Điều đáng lưu ý là Bộ luật Hồng Đức đã chia các loại tội phạm thành 10 nhóm tội cụ thể, gọi là thập ác (Thập ác: Là 10 trọng tội nguy hiểm nhất như: Các tội liên quan đến vương quyền: mưu phản, mưu đại nghịch (Điều 2, 411), mưu bại (phản bội Tổ quốc, Điều 412), đại bất kính (Điều 430, 431). Các tội liên quan đến quan hệ hôn nhân - gia đình: ác nghịch (Điều 416), bất hiếu (như Điều 475), bất mục, bất nghĩa, nội loạn. Tội liên quan đến tiêu chí đạo đức hàng đầu của Nho giáo: Bất đạo (420 và 421) [1]. Ngoài ra các nhóm tội phạm khác: Bao gồm các tội liên quan đến sự an toàn thân thể của vua, nghi lễ cung đình, xâm phạm trật tự công cộng, quản lý

hành chính, thể thức nghi lễ triều đình, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm con người, các tội xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, các tội phạm quân sự, xâm phạm chế độ sở hữu ruộng đất, xâm phạm chế độ hôn nhân - gia đình, các tội tình dục, các tội xâm phạm chế độ tư pháp,...

2.2. Kế thừa và phát triển giá trị của Bộ luật Hồng Đức, góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước, pháp quyền Việt Nam hiện nay

2.2.1. Bộ luật Hồng Đức mang nhiều tư tưởng tiến bộ, đi trước thời đại

Ra đời vào giữa thế kỷ XV, Bộ luật Hồng Đức đã đạt được giá trị và thành tựu nổi bật, có những đặc điểm tiến bộ và ưu thế hơn hẳn các bộ luật trước và cả sau nó. Thậm chí, nhiều yếu tố còn có ý nghĩa lớn trong việc xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống luật của nước ta hiện nay. Điều tiến bộ nổi bật nhất được các nhà nghiên cứu đề cập đến nhiều nhất chính là sự quan tâm nhiều đến địa vị của người phụ nữ, quan tâm đến quyền lợi của họ, cho họ một sự bình đẳng tương đối với đàn ông trong xã hội và người chồng trong gia đình. Đó chính là yếu tố góp phần làm nên sự đặc biệt và tiến bộ đi trước thời đại của bộ luật này. Trong Bộ luật đã có nhiều điều liên quan đến địa vị pháp lý của người phụ nữ - một điều ít thấy trong các bộ luật phong kiến. Giải thích về nguyên nhân có sự coi trọng người phụ nữ như vậy, nhiều ý kiến cho rằng điều đó phần nhiều là do sự chi phối của tư tưởng Lê Thánh Tông. Ông có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tư tưởng Nho giáo với phong tục tập quán và truyền thống dân tộc, vì thế ông muốn bảo vệ người phụ nữ thoát khỏi sự khinh rẻ, bị chà đạp thường xuyên trong xã hội phong kiến. Bộ luật Hồng Đức đã quan tâm bảo vệ những quyền cơ bản của con người. Mặc dù bị hạn chế bởi quan niệm giai cấp hẹp hòi, nhưng bộ luật này cũng đã đưa ra nhiều quy định bảo vệ con người, trong đó có cả việc bảo vệ những tầng lớp thấp trong xã

hội, như bảo vệ quyền dân chủ tự do của dân đình, có nhiều điều quy định các hình phạt cụ thể chống lại sự nô tỳ hóa đối với dân đình, đặc biệt trong đó không có sự phân biệt về địa vị xã hội và bảo vệ danh dự, nhân phẩm con người [5, tr.35].

Trong lĩnh vực pháp luật, Bộ luật Hồng Đức cũng có những tiến bộ vượt trội so với thời đại, đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo và sử dụng quan lại, những điều luật liên quan đến quan tướng các cấp chiếm trên 50% tổng số điều luật về quy định về tội phạm, quy định về tội phạm rất tỉ mỉ, chi tiết làm tăng tính hiệu lực của Bộ luật, các loại tội phạm được quy định khác nhau, tuy tội phạm này không cùng xâm hại một khách thể nhưng lại có liên hệ với nhau và được phân theo nhóm, nên rất thuận tiện cho việc xét xử. Tuy ra đời cách đây hơn 500 năm, nhưng Bộ luật Hồng Đức đã quy định được gần như tất cả các tội danh cơ bản theo luật hình sự hiện đại. “Lê triều hình luật” quan tâm nhiều đến việc bảo vệ các quan hệ gia đình. Có thể, các “nhà lập pháp” lúc bấy giờ đã nhận thức rất rõ vai trò quan trọng trong gia đình - hạt nhân của xã hội. Đồng thời, nó cũng cho thấy sự chi phối rất mạnh của hệ tư tưởng Nho giáo đến chính trị, xã hội Đại Việt thời kỳ đó. Có thể nói, Bộ luật Hồng Đức đã đạt được rất nhiều thành tựu nổi bật, có tính chất tiến bộ vượt thời đại. Sự phát triển cao của chế độ phong kiến trung ương tập quyền thời Lê sơ đã được khẳng định thêm ở độ bền vững với sự ra đời của “Lê triều hình luật” thời kỳ Hậu Lê trong thời thịnh trị.

2.2.2. Tính nhân đạo của Bộ luật Hồng Đức

Mặc dù mang bản chất giai cấp phong kiến nhưng Bộ luật Hồng Đức lại chứa đựng nhiều yếu tố tiến bộ với những quy phạm bảo vệ quyền lợi của người dân, của tầng lớp dưới, của nô tì, người cô quả,... Nhiều quy định của Bộ luật tập trung bảo vệ người dân chống lại sự ức hiếp, sách nhiễu của cường hào, quan lại. Đặc biệt, Bộ luật này còn có một số quy định bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, trẻ em, người dân tộc

thiểu số, điều đó phản ánh truyền thống nhân đạo, truyền thống tôn trọng phụ nữ, tư tưởng “lấy dân làm gốc”, lấy làng xã làm nền tảng của quốc gia...

Tính dân tộc thể hiện đậm nét trong việc kế thừa và phát huy những thành tựu pháp luật của các triều đại trước, kết hợp với những ưu điểm của pháp luật phong kiến Trung Hoa để xây dựng lên một bộ luật phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam. Ngày nay, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật, người già yếu... được xếp vào nhóm “đối tượng dễ bị tổn thương” cần có sự quan tâm, giúp đỡ của cộng đồng thì hơn 500 năm trước, trong Bộ luật Hồng Đức đã có những quy định về trách nhiệm của xã hội, nhất là của quan chức đối với nhóm người này. Đây chính là một trong những điểm tiến bộ, nhân đạo của pháp luật thời Hậu Lê.

Tính nhân đạo đối với người phạm tội: Điều luật đầu tiên đề cập đến vấn đề này là điều 16, mà theo đó, những người phạm tội từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và những kẻ phế tật (tức những kẻ si, câm, cơ thể què quặt, gãy tay chân) phạm tội lưu, đồ trở xuống được chuộc bằng tiền; 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống và những kẻ bệnh nặng (là những ác tật như điên cuồng, tay chân bại liệt, mù hai mắt) phạm tội phản nghịch, giết người, đáng lẽ phải xử tử thì trong trường hợp này phải tâu lên để vua quyết định. Những người này phạm tội trộm, đánh người bị thương thì cũng cho chuộc tội; 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống, dù phạm tử tội cũng không áp dụng hình phạt.

Xử lý tội phạm: Điều 17 Bộ luật Hồng Đức còn lưu ý đến thời điểm phạm tội sao cho có lợi cho tội nhân khi áp dụng luật, theo đó “*khi phạm tội chưa già, tàn tật. Khi già, tàn tật mới phát giác tội thì xử tội theo luật già, tàn tật... Khi còn nhỏ mà phạm tội, khi lớn mới phát giác tội thì xử tội theo luật tuổi nhỏ*” [1]. Nghiêm cấm áp dụng hình thức tra khảo với một số đối tượng và vấn đề liên quan đến người làm chứng, tại Điều 665, quy định: “*Những*

người đáng được nghị xét giảm tội như 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, người bị phế tật” [1] thì không được tra khảo họ, chỉ cần căn cứ lời khai của nhân chứng mà định tội. Nếu trái luật này thì coi như cố ý buộc tội cho người. Luật có ghi điều được phép ẩn giấu cho nhau như người 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống và người bệnh nặng đều không được buộc họ làm chứng. Với những trường hợp nhất định, pháp luật nghiêm cấm việc đối xử bạo ngược với tù nhân, như trường hợp người tù bị mắc bệnh thì không được tiến hành tra khảo. Bên cạnh đó, để tránh việc lạm dụng bạo lực với tù nhân và bảo vệ quyền lợi thiết yếu của họ, Điều 707 quy định: “Ngục giám vô cớ hành hạ tù nhân đến bị thương thì xử theo luật đánh người bị thương. Nếu xén bớt áo quần, cơm, đồ ăn của tù nhân thì căn cứ vào việc bớt xén đó kết tội ăn trộm; hoặc bởi đánh đập, bớt cơm mà tù nhân chết thì bị xử đồ hay lưu. Ngục quan và giám ngục quan biết sự việc không tố giác thì cũng bị tội trên, nhưng được giảm một bậc” [1].

2.2.3. Quy định nhân đạo, tiến bộ đối với phụ nữ và trẻ em

Đối với phụ nữ, quyền lợi của đối tượng này được đề cập chủ yếu trong hai chương “Hộ hôn” và “Điền sản” với những quy định thể hiện sự coi trọng cá nhân và vai trò của người phụ nữ cũng như bảo vệ quyền lợi của họ trong việc hương hỏa, tế lễ, thừa kế và sở hữu tài sản. Người vợ, theo phong tục phải lệ thuộc vào chồng, nhưng trong Bộ luật Hồng Đức địa vị của người vợ có những độc lập nhất định như họ có quyền có tài sản riêng, có quyền xin ly hôn trong một số trường hợp, chẳng hạn, tại Điều 308 quy định: Chồng xa cách vợ không lui tới suốt 5 tháng thì vợ được phép trình quan sở tại, quan xã làm chứng thì chồng đó mất vợ. Nếu đã thôi vợ mà cản trở người khác cưới vợ cũ thì xử biếm. Khi xảy ra tình trạng ly hôn, luật xác định tài sản của vợ chồng được hình thành từ 3 nguồn: i) Tài sản của chồng thừa kế từ gia đình nhà chồng; ii) Tài sản của người vợ

thừa kế từ gia đình nhà vợ; iii) Tài sản chung do hai vợ chồng tạo dựng trong quá trình hôn nhân tồn tại. Khi gia đình tồn tại, tất cả tài sản được coi là của chung; khi ly hôn, tài sản của ai, người đó được nhận riêng và chia đôi tài sản chung của hai người.

Bên cạnh bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ, Bộ luật Hồng Đức còn chú ý đến đối tượng trẻ em, tại Điều 313 quy định: Trẻ nhỏ mồ côi và phụ nữ tự bán mình không người bảo lãnh thì kẻ mua và kẻ viết văn khế, kẻ làm chứng đều bị xử roi, trượng theo luật (nữ bị đánh 50 roi, nam bị đánh 80 trượng) đòi lại tiền trả cho kẻ mua, hủy bỏ văn khế. Kẻ cô độc, khốn cùng từ 15 tuổi trở lên tự nguyện bán mình thì cho phép. Theo Điều 605: Nếu ai bắt được trẻ con đi lạc thì phải báo quan làm bằng chứng thật, có ai đến nhận thì được lấy tiền nuôi dưỡng (mỗi tháng 5 tiền), trái luật không cho người ta nhận con thì xử tội nhẹ hơn tội quyến rũ một bậc. Trường hợp kẻ nào làm chuyện ngược ngạo (lượm trẻ lạc về, không nuôi còn hành hạ) để đến nỗi con người ta chết thì đánh 80 trượng, đền 5 quan tiền nhân mạng cho cha mẹ đứa trẻ chết.

Việc xử lý đối với người dân tộc phạm tội cũng có những cân nhắc nhẹ nhàng hơn, áp dụng cả tục lệ của họ, tại Điều 40 có quy định: Những người miền thượng du (miền núi) cùng phạm tội với nhau thì theo phong tục xử ấy mà định tội, còn khi bắt tội phạm là người thiểu số mà không trình quan quản giám người Man Liêu thì bị xử biếm một tư (Điều 703).

2.3. Giá trị của Bộ luật Hồng Đức đối với việc hoàn thiện Bộ luật hình sự. Góp phần rèn luyện tướng lĩnh, chỉnh đốn quân ngũ, phòng chống tội phạm, đảm bảo bí mật Nhà nước, giữ gìn trật tự, an ninh đất nước

Những điều luật được soạn thảo ra trong Lê triều hình luật thực chất là xuất phát từ ý nguyện của vua Lê Thánh Tông, và cho dù nó gắn bó với thực tiễn cuộc sống nhưng về cơ bản nó mang những tư tưởng, tình cảm và quan niệm của Lê Thánh Tông, mang theo lòng nhân

ái của vị vua lỗi lạc đó. Nguyên tắc cơ bản nhất và cũng là mục tiêu quan trọng nhất của Bộ luật Hồng Đức là bảo vệ, củng cố chế độ quân chủ phong kiến, lợi ích của Nhà nước, nhà vua và hoàng tộc. Những hành vi xâm phạm đến lợi ích, sự an toàn và bình yên của vua, hoàng tộc và chính quyền đương thời sẽ bị liệt vào tội “thập ác” [5, tr.16], với những hình phạt nghiêm khắc nhất. Các quy định về tội phạm và hình phạt về lĩnh vực này được quy định rất kỹ lưỡng và cụ thể, tập trung trong các chương: Danh lệ, Vệ cấm, Vi chế, Đạo tặc, Trá nguy và Tạt luật. Bộ luật này quy định có 8 “hạng người” có đặc quyền đặc lợi của triều đại nhà Lê. Những người được kể ra đầu tiên là những người thuộc gia đình hoàng tộc, những người cận kề, giúp việc cho nhà vua, quan chức trong triều (Điều 3). Theo điều luật này, nếu những người kể trên phạm tội mà bị xử tử hình thì cơ quan nghị án phải đệ trình nhà vua xem xét và quyết định. Nếu họ phạm vào những tội bị xử phạt nhẹ hơn thì đều được giảm tội theo quy định.

Kỷ luật về giữ gìn bí mật quân cơ và nâng cao cảnh giác - bảo vệ quyền lợi quốc gia dân tộc, bài học cho hiện nay: Bộ luật Hồng Đức có những quy định nghiêm khắc trừng trị những kẻ thông đồng hoặc tiết lộ công việc triều đình trong nước cho người nước ngoài (các Điều 71, 612, 613), cấm không được tự tiện qua biên giới, kiểm soát chặt chẽ việc thông thương, ... Chẳng hạn trong Bộ Luật Hồng Đức có nhiều điều quy định rõ trách nhiệm bảo vệ đường biên, vùng biển, cửa quan. Các hành vi xâm phạm an ninh và toàn vẹn lãnh thổ bị trừng trị nghiêm khắc. Điều 71 Bộ luật này, quy định: “Người trốn qua cửa quan ra khỏi bên giới đi sang nước khác thì bị chém”; Người giữ cửa ải (coi xét cửa biển cũng vậy) không biết thì bị lưu đầy châu xa” hoặc “Những người bán ruộng đất ở bờ cõi cho người nước ngoài thì bị chém” (Điều 74). Quan phò mã biết mà không tố giác thì giảm một bậc tội. Quan lộ, huyện trấn dung túng thì tội

giống việc kẻ bán kia. Vô tình không biết thì xử tội biếm, phạt [3, tr.6].

Giữ gìn bí mật quân cơ là vấn đề quan trọng hàng đầu, yếu tố quyết định thắng lợi trong chiến đấu; bởi, quân cơ bị tiết lộ sẽ gây nguy hại cho việc thực hiện nhiệm vụ chiến đấu của quân đội, đe dọa đến an ninh, lợi ích quốc gia, dân tộc, sự tồn vong của đất nước. Đặc biệt trong giao chiến, nếu không giữ được yếu tố bí mật thì dễ bị đối phương đánh bại, ngược lại, sẽ giành ưu thế, thắng lợi trên sa trường. Mọi tướng sĩ khi thực hiện nhiệm vụ đánh trận đều phải nâng cao tinh thần cảnh giác, tổ chức canh phòng cẩn mật không để quân giặc nắm được thông tin. Thực tiễn, vương triều Lê sơ đã xây dựng được một quân đội hùng mạnh, khiến quân giặc không dám xâm lược non sông, bờ cõi là nhờ tuân thủ các quy định của Bộ luật Hồng Đức trong việc rèn luyện tướng sĩ, nhất là việc nâng cao tinh thần cảnh giác, không để lộ quân cơ, nếu vi phạm dù là tướng hiệu hay quân sĩ đều bị xử phạt. Các tướng sĩ phòng giữ nơi quan ải nếu phòng bị không cẩn thận, dò la không đích thực để quân giặc đến bất ngờ thì đều phải chém đầu (Điều 3); khi đánh giặc mà các tướng hiệu không hòa thuận, hay tiết lộ quân cơ, để quân lính ngả lòng thì đều phải chém đầu (Điều 7); khi có việc đi đánh dẹp bí mật, kẻ nào báo cho giặc biết tin tức, cùng thông đồng với người ngoài để làm gián điệp thì bị xử tới chết (Điều 15),... Ngoài ra, các vua triều Lê sơ còn tập trung rèn luyện tướng, sĩ nêu cao ý thức, trách nhiệm trong giữ gìn binh khí, bảo vệ quân lương theo 05 Điều (13, 22, 27, 30, 40) trong chương Quân chính [5, tr.40].

3. KẾT LUẬN

Trong tiến trình hoàn thiện hệ pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng, cần tiếp thu, vận dụng, kế thừa những tư tưởng tiên bộ của Bộ luật Hồng Đức vào thực tiễn công tác xây dựng và hoàn thiện Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2018. Quá trình đổi mới đất

nước việc bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống, trong đó có truyền thống thượng tôn pháp luật, lấy dân làm gốc, xuất phát từ ngàn năm dựng nước và giữ nước của cha ông, luôn luôn là điều cần thiết và bổ ích. Cho đến nay dù đã trải qua hơn 500 năm lịch sử các quy định pháp luật của Bộ luật Hồng Đức vẫn còn nguyên giá trị cho nền lập pháp của nước ta. Để đạt được mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”, Đảng ta khẳng định “*tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*”, “*tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí*”, đồng thời “*thực hiện đồng bộ các chính sách và luật pháp của Nhà nước nhằm phát huy dân chủ*” và “*giữ vững kỷ cương trong xã hội*” [4]. Như vậy, điểm chung

của truyền thống yêu nước Việt Nam, được thể hiện trong lịch sử cũng như hiện tại là đảm bảo ổn định chính trị - xã hội vì lợi ích của đất nước, của nhân dân.

Việc vương triều Lê Sơ, đặc biệt là vua Lê Thánh Tông lấy Bộ luật Hồng Đức làm điểm tựa để rèn tướng, luyện quân, trong đó đề cao vai trò của người làm tướng thể hiện tầm nhìn, tư duy vượt trội của nhà vua cũng như các tướng khi được giao nhiệm vụ luyện quân bảo vệ bờ cõi, an ninh đất nước. Đây chính là bài học quý cần được nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo trong rèn luyện cán bộ, chiến sĩ, xây dựng lực lượng công an tinh gọn, tiến lên hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Ngọc Huy (1989), *Quốc triều Hình luật*, Quyển A, Viet Publisher.
- [2] Nguyễn Minh Tuấn (2004), *Những giá trị tích cực của Nho giáo trong Bộ luật Hồng Đức*, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Chuyên san Kinh tế - Luật.
- [3] Nguyễn Minh Tuấn (2008), *Nét độc đáo của quy phạm pháp luật trong Bộ luật Hồng Đức*, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp (Hiến kế Lập pháp)*, số 33 (118), tháng 3.
- [4] Nguyễn Xuân Tê (1999), *Tìm hiểu Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Phan Thanh Long, *Tập bài giảng Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kỳ phong kiến đến trước khi Pháp đô hộ Việt Nam*, Khoa Luật Đại học Sài Gòn, Lưu hành nội bộ.
- [6] Vũ Văn Mẫu (1973), *Cổ luật Việt Nam và Tư pháp sử*, quyển 1, tập 1, Sài Gòn.